



DANH MỤC PHÉP THỬ CÔNG NHẬN ĐƯỢC CẬP NHẬT LẦN 1
LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST UPDATE

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 12 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Thí Nghiệm và Quản Lý Chất Lượng**
Laboratory: **Laboratory & Quality Assurance Section**

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn**
Organization: **Nghi Son Refinery and Petrochemical LLC**

Số hiệu/ Code: **VILAS 1139**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa**
Field of testing: **Chemical**

Người quản lý: **Vũ Quốc Thắng**
Laboratory manager: **Vu Quoc Thang**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày /12/2025 đến ngày 06/10/2029**

Địa chỉ:
Address: **Tầng 14, Tháp Tây, Lotte Center Hanoi, Số 54, Đường Liễu Giai, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**
14th floor, West Tower, Lotte Center Hanoi, No. 54, Lieu Giai Street, Giang Vo Ward, Hanoi City, Viet Nam

Địa điểm:
Location: **Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Khu Kinh tế Nghi Sơn, Phường Hải Bình, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam**
Nghi Son Refinery, Nghi Son Economic Zone, Hai Binh Ward, Thanh Hoa Province, Viet Nam

Điện thoại/ Tel: **84 (0) 2378 738 540 (ext. 6302)**

Email: **Thang.vq@nsrp.com.vn; Cuong.tq@nsrp.com.vn**

Website: **Nsrp.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ CÔNG NHẬN ĐƯỢC CẬP NHẬT LẦN 1
LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST UPDATE

VILAS 1139

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Xăng, dầu Diesel, dầu hỏa, Nhiên liệu hàng không Jet A1 <i>Gasoline, Diesel oil, Kerosene, Jet A1</i>	Xác định hàm lượng tổng lưu huỳnh Phương pháp huỳnh quang tử ngoại <i>Determination of total Sulfur content Ultraviolet fluorescence method</i>	(1,0 ~ 8000) mg/kg	ASTM D5453-24 (a) TCVN 7760:2020
2.		Xác định hàm lượng lưu huỳnh Phương pháp phổ huỳnh quang tán xạ năng lượng tia X <i>Determination of Sulfur content Energy dispersive X-ray fluorescence spectrometry method</i>	Đến/to: 5 % m/m	ASTM D4294-24 (a) TCVN 3172:2019
3.		Xác định thành phần cất ở áp suất khí quyển <i>Determination of distillation at atmospheric pressure</i>	Đến/to: 450°C	ASTM D86-23ae2 (a) TCVN 2698:2020
4.	Xăng, dầu Diesel, dầu hỏa, Nhiên liệu hàng không Jet A1 <i>Gasoline, Diesel oil, Kerosene, Jet A1</i>	Xác định khối lượng riêng, khối lượng riêng tương đối, hoặc khối lượng API Phương pháp tỷ trọng kế <i>Determination of density, relative density, or API gravity Hydrometer method</i>	(600 ~ 1100) kg/m ³	ASTM D1298-24 (a) TCVN 6594:2007
5.	Dầu Diesel <i>Diesel oil</i>	Xác định độ bôi trơn bằng thiết bị chuyển động khur hồi cao tần (HFRR) <i>Determination of evaluating lubricity by the high frequency reciprocating rig (HFRR)</i>	-	ASTM D6079-24 (a) TCVN 7758:2007
6.		Phương pháp xác định lưu huỳnh bằng phổ huỳnh quang tán xạ bước sóng tia X <i>Standard Test Method for Sulfur in Petroleum Products by Wavelength Dispersive X-ray Fluorescence Spectrometry</i>	3 ppmw - 4.6% m/m	ASTM D2622-24a (a) TCVN 6701:2020
7.	Dầu hỏa, Nhiên liệu tước bin hàng không Jet A1 <i>Kerosene, Jet A1</i>	Xác định màu Saybolt Phương pháp so màu Saybolt <i>Determination of Saybolt color Saybolt chromometer method</i>	(-16 ~ +30)	ASTM D156-23 (a) TCVN 4354:2007

DANH MỤC PHÉP THỬ CÔNG NHẬN ĐƯỢC CẬP NHẬT LẦN 1
LIST OF ACCREDITED TESTS, FIRST UPDATE

VILAS 1139

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
8.	Nhiên liệu tuốc bin hàng không Jet A1 Jet A1	Xác định hàm lượng Hydrocacbon Naphthalen Phương pháp quang phổ tử ngoại <i>Determination of Naphthalene Hydrocarbons content</i> <i>Ultraviolet spectrophotometry method</i>	(0,08 ~ 5,6) % v/v	ASTM D1840-24 (a) TCVN 7989:2008
9.	Xăng Gasoline	Xác định trị số octan <i>Determination of Octane number</i>	(40 ~ 120) O.N	ASTM D2699-24b (a) TCVN 2703:2020

Ghi chú / Note:

- (a) Phương pháp thử được cập nhật từ tháng 12/2025 / *Test methods updated from Dec.2025*
- Trường hợp Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm thì Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này. / *It is mandatory for the Nghi Sơn Refinery and Petrochemical Limited Liability Company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

